

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 94/2021/TLST - VDS ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu: Anh Khương Văn T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Đội 3, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1984.

- Cháu Khương Nhĩ K, sinh ngày 04/12/2005.

Đại diện theo pháp luật của cháu K: Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1984.

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố N, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Về thẩm quyền: Anh Khương Văn T và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 19 tháng 3 năm 2005 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay chị H đang cư trú tại thị xã M. Anh T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh và chị H, chị H nhất trí yêu cầu của anh T. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị H chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau,

không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn đối với anh chị theo quy định Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Khương Văn T và chị Vũ Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Khương Nhĩ K, sinh ngày 04/12/2005. Anh chị thỏa thuận thống nhất chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi cháu K thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị H thỏa thuận thống nhất anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện nên được Toà án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Khương Văn T và chị Vũ Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Khương Văn T và chị Vũ Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Khương Văn T và chị Vũ Thị H có 01 con chung là cháu Khương Nhĩ K, sinh ngày 04/12/2005. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị thỏa thuận thống nhất anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Vì lợi ích của con chung, anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh T có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Anh Khương Văn T và chị Vũ Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Khương Văn T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Toà án số 0004470 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA–TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Oanh**